

Hệ thức diễn dịch, tạo dựng trong khoa học xã hội

NGUYỄN HỮU LAM

Nghiên cứu là một quá trình khám phá có hệ thống nhằm tạo ra kiến thức. Kiến thức không chỉ là khái quát hóa, nối kết, dự báo, và điều khiển như quan niệm của các nhà nghiên cứu thực chứng, mà còn là sự hiểu biết, các ý nghĩa, và sự sáng tỏ (Usher, Bryant, & Johnston, 1997). Tại sao các nhà nghiên cứu lại cố gắng theo đuổi những hiểu biết, các ý nghĩa, và sự sáng tỏ về các hoạt động của con người, và họ theo đuổi việc này như thế nào chính là những điểm chủ yếu của hệ thức tạo dựng hoặc diễn dịch. Bài này sẽ tập trung thảo luận những điểm cơ bản của hệ thức tạo dựng / diễn dịch trong các nghiên cứu xã hội: (1) Thực tiễn chủ quan, (2) Tạo ý nghĩa, (3) Phương pháp diễn dịch.

Vì thế, nhiệm vụ của nhà nghiên cứu là nhằm để hiểu được những tạo dựng xã hội (social constructions) của các ý nghĩa và kiến thức (Mertens, 1998). Giả định cơ bản về có nhiều thực tiễn được tạo dựng trong xã hội có thể được hiểu thông qua việc các cá nhân tạo ra cảm giác từ các sự vật, sự kiện, hiện tượng. Các cá nhân là khác nhau, vì thế có rất nhiều cách thức khác nhau trong diễn đạt các kinh nghiệm và hiểu biết. Hơn nữa, các cá nhân không tự mình tạo ra những cảm giác, mà là họ tạo ra các cảm giác về các kinh nghiệm và hiểu biết của họ thông qua việc tương tác với những người khác thông qua ngôn ngữ hoặc các hệ thống biểu tượng khác, và điều này tạo thành những thực tiễn chủ quan. Rõ ràng là những thực tiễn chủ quan này là đa dạng,

Sự khác biệt giữa hệ thức thực chứng và diễn dịch

Những niềm tin cơ bản	Hệ thức thực chứng	Hệ thức diễn dịch, tạo dựng
Thực thể (bản chất của thực tiễn)	Chỉ có một thực tiễn khách quan.	Nhiều thực tiễn chủ quan được tạo dựng trong xã hội.
Nhận thức luận (bản chất của kiến thức, quan hệ giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu)	Tính khách quan là quan trọng. Tách rời giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Kiến thức là không bị ảnh hưởng bởi giá trị.	Một liên kết tương tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu; các giá trị được phơi bày; tạo ra ý nghĩa, sự hiểu biết, và sự sáng tỏ.
Phương pháp luận	Thực nghiệm và duy lý	Chủ giải học, hiện tượng học, dân tộc học, và mô tả đầy

Nguồn: Phỏng theo Guba và Lincoln (1994), *Qualitative Research*, Sage Publications.

Thực tiễn chủ quan (Multiple realities)

Giả định cơ bản mà hệ thức tạo dựng dựa vào là có nhiều thực tiễn được tạo dựng trong xã hội (multiple, socially constructed realities) đó chính là các thực tiễn chủ quan. Những thực tiễn này tồn tại thông qua sự tương tác xã hội mà sự tương tác này được thực hiện thông qua những hệ thống mang tính biểu tượng (symbolic systems) như ngôn ngữ.

và được tạo dựng mang tính xã hội (Bogdan & Biklen, 1992).

Tạo ý nghĩa (Meaning making)

Giả định cơ bản về thực tiễn chủ quan dẫn tới một thách thức to lớn là đối mặt với các sự kiện, và hiện tượng xa lạ, phức tạp, bị che phủ, và ẩn tàng, nhà nghiên cứu phải làm cho các sự kiện và hiện tượng này trở nên rõ ràng và có thể hiểu được bởi người đọc. Điều này có

nghĩa là tạo ra ý nghĩa là mục tiêu trọng tâm của quá trình nghiên cứu tạo dựng Taylor (1871) chỉ ra rằng khi nói về ý nghĩa, cần phải hiểu là (1) ý nghĩa của đối tượng nghiên cứu, (2) ý nghĩa về một điều gì đó, và (3) ý nghĩa trong bối cảnh của đối tượng. Tạo ra ý nghĩa có thể được thực hiện thông qua quá trình diễn dịch mà quá trình này đòi hỏi một quá trình tương tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu của mình. Quá trình tương tác này là cần thiết bởi vì dữ liệu những sự diễn dịch, những hiểu biết, và các kết cục là có cội nguồn từ bối cảnh và từ những con người xa lạ với nhà nghiên cứu. Các dữ liệu có thể được truy về những nguồn gốc của nó, và những logic được sử dụng để phát triển một sự diễn dịch, một sự giải thích mà sự diễn dịch và giải thích này trở nên rõ ràng trong việc tương tác (Mertens, 1998). Việc tương tác này chỉ đạt được thông qua sự tương tác và sự gắn bó của nhà nghiên cứu về đối tượng nghiên cứu của mình. Khi thực hiện việc tương tác, nhà nghiên cứu trở thành công cụ chủ yếu của cả thu thập lẫn phân tích dữ liệu nghiên cứu. Nhà nghiên cứu gắn bó hoặc chia sẻ một cách chi tiết những điều kiện của đối tượng để diễn đạt những gì đang xảy ra. Kết quả của điều này là khám phá khoa học là có quan hệ chặt chẽ và gắn liền với những giá trị (value embedded). Do những niềm tin, những khát vọng, những thái độ định hình các nhận thức, chúng ta sẽ không thể hiểu được và sẽ không thể tạo ra ý nghĩa của các hành vi của con người nếu chúng ta không hiểu những niềm tin, những khát vọng, và những giá trị của họ. Cần lưu ý là trong khi tham gia vào quá trình tương tác với đối tượng nghiên cứu nhà nghiên cứu không thể thoát khỏi những hiểu biết và những nhận thức trước đó của mình. Vì thế, thay vì cố gắng thoát khỏi những hiểu biết trước đó những thiên vị và định kiến của mình nhà nghiên cứu sử dụng những hiểu biết có trước này như là điểm xuất phát trong giao tiếp với đối tượng nghiên cứu. Thông qua quá trình giao tiếp và truyền đạt, nhà nghiên cứu cố gắng hiểu và diễn đạt các sự kiện, hiện tượng hoặc các hành vi của con người trong bối cảnh và viễn cảnh của đối tượng nghiên cứu (Usher, Bryant, & Johnston, 1997). Điều này được gọi là sự hợp nhất của các phạm vi hiểu biết (fusion of horizons) trong chi

kỳ chú giải.

Nếu chúng ta hiểu con người tạo ra các cảm giác gì và những cách thức họ tạo ra các ý nghĩa về họ và về môi trường của họ, chúng ta sẽ có thể tạo ra các kiến thức về những cảm giác, ý nghĩa mà con người tạo ra từ những kinh nghiệm của mình. Những ý nghĩa này là rất quan trọng với cuộc sống của họ, và chính những ý nghĩa, sự hiểu biết, và sự sáng tỏ là loại kiến thức mà các nhà nghiên cứu diễn dịch / tạo dựng cố gắng tạo ra thông qua các nghiên cứu của mình.

Tiếp cận định tính (Qualitative approach)

Phương pháp mà các nhà nghiên cứu diễn dịch, tạo dựng sử dụng là phương pháp định tính. Các nhà nghiên cứu sử dụng các phương pháp như phỏng vấn, quan sát, xem xét đánh giá các hồ sơ, tài liệu cho việc khám phá khoa học của họ. Khác với nghiên cứu thực chứng, trong nghiên cứu định tính, các câu hỏi nghiên cứu không thể được thiết lập một cách rõ ràng trước khi nghiên cứu được bắt đầu. Các câu hỏi nghiên cứu sẽ hình thành, tiến triển, và thay đổi trong quá trình nghiên cứu (Mertens, 1998). Hơn nữa, nếu một nghiên cứu được thiết kế tốt, ý nghĩa và sự hiểu biết sẽ nổi lên, hiện ra trong quá trình nghiên cứu. Để hiểu phương pháp nghiên cứu định tính, điều cần thiết là phải hiểu được điều gì tạo ra ý nghĩa, ý nghĩa được tạo ra như thế nào, và tại sao nó được tạo ra. Điều này đòi hỏi việc hiểu biết ba cấp độ của ý nghĩa - đây là điều mà các nhà nghiên cứu định tính muốn đạt tới: (1) sự thật thể chế (institutional facts) (còn gọi là ý nghĩa có tính sự kiện (factual meanings)) là sự phụ thuộc vào những quy ước và những sự phân biệt của đối tượng nghiên cứu; (2) những ý nghĩa chung được dựa trên việc có chung một tập hợp những giả định; và (3) những ý nghĩa trong tương tác qua lại giữa các chủ thể (intersubjective meanings) mà các ý nghĩa này có thể được hiểu thông qua các khái niệm văn hóa (Bredo and Feinberg, 1982).

Để hiểu các phương pháp nghiên cứu định tính và sử dụng chúng một cách hiệu quả, sẽ là hữu ích khi hiểu về điều mà Bogdan và Biklen (1992) gọi là "những định hướng lý thuyết" ("theoretical orientations"), những định hướng này làm cơ sở cho các nghiên cứu

định tính. Những định hướng này là chú giải học, hiện tượng học, dân tộc học, và mô tả dày (thick description).

Trong chú giải học, diễn dịch là một nỗ lực tạo ra cảm giác, hiểu biết về những hiện tượng, những hành vi, và những quá trình phức tạp, xa lạ, không rõ ràng. Mục tiêu của việc diễn dịch là để làm nó rõ ràng hơn và có thể hiểu được, và có ý nghĩa. Việc diễn dịch luôn xảy ra trong một quá trình gọi là chu kỳ chú giải. Trong chu kỳ chú giải, một sự diễn dịch của một phần của một điều gì đó phụ thuộc vào sự diễn dịch tổng thể của nó, và sự diễn dịch tổng thể phụ thuộc vào sự diễn dịch các phần riêng biệt của tổng thể đó. Điều này có nghĩa là việc diễn dịch bắt đầu với những gì đã được biết, sau đó đi theo một quá trình lặp đi lặp lại theo vòng tròn xoay tròn ốc (Usher, Bryant & Johnston, 1997).

Trong tiếp cận hiện tượng học, nhà nghiên cứu cố gắng hiểu ý nghĩa của các sự kiện hoặc các tương tác của những người bình thường trong những tình huống cụ thể. Nhà nghiên cứu không giả định rằng họ hiểu điều gì là có ý nghĩa đối với đối tượng mà họ đang nghiên cứu. Vì thế, họ bắt đầu với sự im lặng và sau đó chú trọng vào những khía cạnh chủ quan của những hành vi của đối tượng nghiên cứu và cố gắng đi vào thế giới của đối tượng nghiên cứu để tạo ra ý nghĩa.

Mô tả dày khác với mô tả mỏng (thin description) là mô tả mỏng chỉ chú trọng vào mô tả hành vi, trong khi mô tả dày chú trọng vào hệ thống cấp bậc được phân tầng (stratified hierarchy) của các cấu trúc ý nghĩa theo những cách thức mà những hành vi giống nhau được tạo ra, được nhận thức, và được diễn dịch (Geertz, 1973) để qua đó hiểu được ý nghĩa của các hành vi cụ thể trong bối cảnh cụ thể của nó. Nhà nghiên cứu sử dụng mô tả dày trong việc xử lý với hàng loạt những diễn dịch về cuộc sống, về những hiểu biết

chung có quan hệ qua lại với nhau và không thể tách biệt với nhau (Bogdan and Biklen, 1992).

Dân tộc học đề cập tới nghiên cứu về cách mà các cá nhân tạo ra và hiểu cuộc sống mỗi ngày của họ, hoặc cách thức mà các cá nhân thực hiện cuộc sống mỗi ngày của họ. Các nhà nghiên cứu cố gắng hiểu cách mà con người nhìn nhận, giải thích và mô tả các trật tự trong thế giới mà họ sống (Bogdan and Biklen, 1992).

Kết luận, về kiểu diễn của kiến thức mà các nhà nghiên cứu theo hệ thức tạo dựng / diễn dịch tạo ra là ý nghĩa, sự hiểu biết, và sự sáng tỏ. Những ý nghĩa này được tạo ra thông qua các phương pháp nghiên cứu chặt chẽ và có hệ thống và chính điều này làm cho nghiên cứu định tính được chấp nhận rộng rãi trong nghiên cứu xã hội ngày nay ■

Tài liệu tham khảo:

Bogdan, R. C. & Biklen, S. K. (1992). *Qualitative Research for Education* (second edition). Boston: Lillyn & Bacon.
 Bredo, E., and Feinberg, W., (1982). *The interpretive approach to social and educational research. Knowledge & Value in Social and Educational Research*. Philadelphia: Temple University Press.
 Geertz, C. (1973). *Thick description: Toward an interpretive theory of culture. The Interpretation of Cultures*. HarperCollins Publishers.
 Mertens, D. M. (1998). *Research Methodology in Education and Psychology*. Thousand Oaks: Sage Publications.
 Taylor, C. (1971). *Interpretation and the sciences of man. Knowledge & Value in Social and Educational Research*. Philadelphia: Temple University Press.
 Usher, R., Bryant, I., & Johnston, R. (1997). *Adult Education and the Postmodern Challenge*. New York: Routledge.

CHỦ ĐỀ QUÝ 4.2003

Thân mời bạn đọc viết bài và đón xem tạp chí trong quý 4.2003 với những chủ đề sau:

Tháng 10.2003: Thị trường bảo hiểm VN: thực trạng và tiềm năng.

Tháng 11.2003: Cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài trong điều kiện VN tham gia AFTA.

Tháng 12.2003: Lợi ích và những thách thức khi VN gia nhập WTO.

BAN BIÊN TẬP